

PHỤ LỤC SỐ 02
GIÁ ĐẤT NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP VÀ ĐẤT Ở NÔNG THÔN
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 66/2008/QĐ-UBND ngày 30/12/2008
 của UBND tỉnh Lào Cai)

1) Đất trồng cây hàng năm, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản:

Đơn vị tính: đồng/m²

HẠNG ĐẤT	MỨC GIÁ
Hạng 1	
Hạng 2	20.000
Hạng 3	17.000
Hạng 4	13.000
Hạng 5	10.000
Hạng 6	6.000

2) Đất trồng cây lâu năm:

Đơn vị tính: đồng/m²

HẠNG ĐẤT	MỨC GIÁ
Hạng 1	16.000
Hạng 2	13.000
Hạng 3	10.000
Hạng 4	8.000
Hạng 5	5.000

3) Đất lâm nghiệp, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng:

Đơn vị tính: đồng/m²

HẠNG ĐẤT	MỨC GIÁ
Loại 1	6.000
Loại 2	5.000
Loại 3	4.000
Loại 4	3.000
Loại 5	1.500

4) Đất ở nông thôn:

Đơn vị tính: đồng/m²

HẠNG ĐẤT	MỨC GIÁ
Khu vực I	86.000
Khu vực II	54.000
Khu vực III	24.000

Ghi chú Phụ lục số 02:

* Khu vực I, II, III thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 188/2004/NĐ.CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ như sau:

- Khu vực I: Đất có mặt tiền tiếp giáp với mặt đường giao thông chính nằm giáp trung tâm thị xã hoặc cụm xã (gần UBND xã, trường học, trạm y tế, chợ); gần khu thương mại và dịch vụ, khu du lịch, khu công nghiệp, khu chế xuất, hoặc không nằm tại khu vực trung tâm xã nhưng gần đầu mối giao thông, gần chợ nông thôn.

- Khu vực II: Nằm ven các trục đường giao thông liên thôn, tiếp giáp với khu vực trung tâm xã, cụm xã, khu vực thương mại, dịch vụ, khu chế xuất, du lịch.

- Khu vực III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.

* Việc phân chia ranh giới các khu vực và hệ số điều chỉnh giữa các khu vực cho phù hợp, UBND tỉnh giao cho UBND các huyện, thành phố xác định cụ thể trình UBND tỉnh phê duyệt.